

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-PT.

Ngày: 10 - 3 - 2023.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường.

Bà Trần Thị Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Nguyễn Ngọc Bích -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023
về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022
của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2023/QĐ-PT ngày 02
tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2023/QĐ – PT ngày 24
tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố A;

Trụ sở: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, phường B, Quận C, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố A:
Ông Phạm Quốc T; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Quốc T: **Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H**; Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố A;

(Theo văn bản ủy quyền số 1482/2020/QĐ-TGD ngày 08/7/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố A).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Nguyễn Bảo H: **Anh Ngô Quang C** – Chuyên viên quản lý nợ - Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố A - Chi nhánh V

Địa chỉ: Số 138, đường Phạm Thái Bường, phường D, thành phố E tỉnh L
(Theo văn bản ủy quyền ngày 21/01/2021 của giám đốc trung tâm xử lý nợ Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố A).

Bí đơn: Ông **Võ Văn Th**, sinh năm 1969

Bà **Lê Thị Mỹ L**, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Ấp Long Tân, xã E, huyện F, tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị **Võ Thị Minh Th1**, sinh năm 1991

2/ Anh **Võ Minh Th2**, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Ấp Long Tân, xã E, huyện F, tỉnh L.

Người kháng cáo: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố**

A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố A có anh Ngô Quang C trình bày:

* Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố A có cho ông Võ Văn Th và bà Lê Thị Mỹ L vay số tiền 150.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0187/2017/HĐTDTDH-CN/213 ngày 20/12/2017; khế ước nhận nợ số 0187/2017/HĐTDTDH-CN/213 ngày 20/12/2017, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng – mua sắm vật dụng gia đình, lãi suất trong hạn do hai bên thỏa thuận là 12,1%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm.

Để đảm bảo cho khoản nợ vay ông Th và bà L có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất thừa đất số 334, tờ bản đồ số 18, diện tích 955,7m² (trong đó có

300m² là đất ở; 655,7m² là đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Ấp Long Tân, xã E, huyện F, tỉnh L theo giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 336046, số vào sổ cấp giấy là CS05842 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho hộ ông Võ Văn Th ngày 26/4/2017. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0119/2017/HĐBĐ-213 do Văn Phòng công chứng Tạ Thị K chứng nhận ngày 20/12/2017. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện F ngày 20/12/2017.

Thực hiện theo Hợp đồng ông Th và bà L đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 55.700.000 đồng, tiền lãi là 22.146.809 đồng. Tính đến thời điểm hiện nay ông Th và bà L đã vi phạm Hợp đồng tín dụng số 0187/2017/HĐTDTDH-CN/213 ngày 20/12/2017. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc trả nợ nhưng ông Th và bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

* Ngoài ra ngày 31/05/2018 Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố A có ký với ông Võ Văn Th Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – được gọi chung là Hợp đồng). Ngân hàng A cho ông Th vay số tiền 20.000.000 đồng. Căn cứ thu nhập của ông Th Ngân hàng A đã cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, số thẻ là 498766***1745.

Thẻ tín dụng của ông Th có thời hạn sử dụng là 03 năm. Lãi suất trong hạn áp dụng khi cấp thẻ là 2%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Khi phát sinh quá hạn, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng. Mức tính phí là phí thường niên là 220.000 đồng/năm, phí sao kê là 22.000 đồng/tháng, phí trễ hạn là 4% trên số tiền thanh toán tối thiểu, phí vượt hạn mức là 10% trên số tiền vượt. Lãi suất và phí nêu trên không ghi cụ thể trong hợp đồng mà được thể hiện cụ thể trong Quyết định số 2132/2018/QĐ-TGD ngày 16/7/2018 của Tổng Giám đốc Ngân hàng A về việc ban hành biểu phí dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân để tính mức phí này. Sau đó Quyết định 2132 đã được thay thế bằng Quyết định số 1631/2020/QĐ-TGD ngày 27/7/2020 của Tổng Giám đốc Ngân hàng A.

Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Th không có thiện chí trả nợ. Do ông Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 15/5/2019 Ngân hàng đã tạm khóa quyền

sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố A khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề như sau:

Buộc ông Võ Văn Th và bà Lê Thị Mỹ L phải thanh toán ngay một lần toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 20/5/2022 với tổng số tiền là 889.011.192 đồng. Trong đó:

- Nợ khoản vay:

Nợ gốc: 94.300.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 22.471.811 đồng

Nợ lãi quá hạn: 21.575.872 đồng

- Nợ thẻ tín dụng:

Nợ gốc: 19.908.160 đồng

Nợ lãi trong hạn: 16.540.750 đồng

Phí phạt: 714.214.599 đồng

+ Buộc ông Võ Văn Th và bà Lê Thị Mỹ L phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ gốc còn lại là 94.300.000 đồng theo mức lãi suất quá hạn thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ và phần nợ phát sinh đối với số nợ gốc thẻ tín dụng còn lại 20.000.000 đồng theo mức lãi suất quá hạn thoả thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đã ký kết với Ngân hàng A từ ngày 21/5/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

+ Trường hợp ông Võ Văn Th và bà Lê Thị Mỹ L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu cho phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 334, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại Ấp Long Tân, xã E, huyện F, tỉnh L theo giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 336046, số vào sổ CS05482 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho hộ ông Võ Văn Th ngày 26/4/2017, toàn bộ số tiền phát mãi được dùng để cản trừ nghĩa vụ trả nợ cho ông Th và bà L đối với Ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Th và bà L thì ông Th và bà L phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Tại Biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Văn Th trình bày: Ông thừa nhận ông và vợ là bà Lê Thị Mỹ L có ký với Ngân

hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố A Hợp đồng tín dụng số 0187/2017/HĐTDTDH-CN/213 ngày 20/12/2017; khế ước nhận nợ số 0187/2017/HĐTDTDH-CN/213 ngày 20/12/2017 để vay số tiền 150.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản nợ vay ông bà có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất thửa đất số 334, tờ bản đồ số 18, diện tích 955,7m² (trong đó có 300m² là đất ở; 655,7m² là đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Ấp Long Tân, xã E, huyện F, tỉnh L theo giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 336046, sổ vào sổ cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05842 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho hộ ông Võ Văn Th ngày 26/4/2017. Ông đã trả được số tiền nợ gốc là 55.700.000 đồng, còn nợ lại Ngân hàng số tiền nợ gốc là 94.300.000 đồng. Đến năm 2019 do làm ăn khó khăn nên ông không có tiền trả nợ Ngân hàng nữa.

Đối với phần nợ vay thế chấp này ông đồng ý trả cho Ngân hàng nhưng xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào có ông sẽ trả hết một lần cho Ngân hàng.

* Ngoài ra ngày 31/5/2018 ông có ký với Ngân hàng A Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và đã được Ngân hàng cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng. Đây là nợ riêng của ông, ông vay để sử dụng vào mục đích riêng, vợ con ông hoàn toàn không biết đến số nợ này. Quá trình sử dụng thẻ ông đã sử dụng hết số tiền được cấp trong thẻ. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A yêu cầu ông trả cho Ngân hàng nợ gốc, nợ lãi và phí phạt thì ông không đồng ý vì hoàn cảnh ông khó khăn nên xin Ngân hàng giảm lãi và được trả dần. Ngoài ra đối với yêu cầu phát mãi tài sản để thu hồi khoản nợ vay thẻ tín dụng thì ông không đồng ý vì ông không có thể chấp tài sản cho khoản vay nợ thẻ này.

Bị đơn bà Lê Thị Mỹ L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Minh Th1, anh Võ Minh Th2 đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định.

Căn cứ khoản 3 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 318, 319, 320, 500, 502 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 8, Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố A.

1. Buộc ông Võ Văn Th và bà Lê Thị Mỹ L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố A tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 05/9/2022 là 143.391.080 (Một trăm bốn mươi ba triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, không trăm tám mươi đồng), trong đó tiền nợ gốc là 94.300.000 đồng (Chín mươi bốn triệu, ba trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 22.941.194 đồng (Hai mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi một nghìn, một trăm chín mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi là 26.149.886 đồng (Hai mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 0187/17/HĐTDTDH-CN/213 ngày 20/12/2017 và Khế ước nhận nợ số 0187/2017/HĐTDTDH-CN/213 ngày 20/12/2017.

Ngoài ra ông Th và bà L phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh tính từ ngày 06/9/2022 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0187/2017/HĐTDTDH-CN/213 ngày 20/12/2017 đã ký kết với Ngân hàng.

Trường hợp ông Th và bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0119/2017/HĐBĐ-213 ngày 20/12/2017.

2. Buộc ông Võ Văn Th có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố A tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi trong hạn tính đến ngày 05/9/2022 là 40.959.663 đồng (Bốn mươi triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng), trong đó tiền nợ gốc là 21.934.769 đồng (Hai mươi một triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi chín đồng), nợ lãi

trong hạn là 19.024.894 đồng (mười chín triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn, tám trăm chín mươi bốn đồng).

Ngoài ra ông Võ Văn Th phải tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ ngày 06/9/2022 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ ngày 31/5/2018 của Ngân hàng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố A đối với yêu cầu buộc bà Lê Thị Mỹ L và ông Võ Văn Th phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, lãi, phí phạt là 1.121.391.880 đồng (Một tỷ, một trăm hai mươi một triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, tám trăm tám mươi đồng) và chịu lãi, phí phát sinh đối với số nợ còn lại cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố A đối với yêu cầu trường hợp ông Võ Văn Th và bà Lê Thị Mỹ L vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ thẻ tín dụng là 1.121.391.880 đồng (Một tỷ, một trăm hai mươi một triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, tám trăm tám mươi đồng), đề nghị phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 334, tờ bản đồ số 18, diện tích 955,7m² (trong đó có 300m² là đất ở; 655,7m² là đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Ấp Long Tân, xã E, huyện F, tỉnh L theo giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 336046, sổ vào sổ cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05842 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho hộ ông Võ Văn Th ngày 26/4/2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 19/9/2022 nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố A có đơn kháng cáo với nội dung như sau: không đồng ý với phần nội dung bản án sơ thẩm tuyên về việc không chấp nhận một phần tiền lãi phí phạt đối với khoản vay theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 31/5/2018. Đề nghị cấp phúc thẩm buộc ông Võ Văn Th phải thanh toán phần phí và lãi phát sinh đối với số nợ theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Tại phiên Tòa phúc thẩm: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Ngân hàng kháng cáo yêu cầu Tòa án buộc ông Th phải thanh toán phí và lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đã ký kết.

Nhận thấy: Theo Đề nghị cấp thẻ tín dụng (bút lục 84-85) không ghi lãi suất, không ghi các khoản phí nên không có cơ sở để xác định hợp đồng có các khoản lãi phạt và phí. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận thẻ tín dụng cấp cho ông Th theo Đề nghị cấp thẻ ngày 31/5/2018 nên xác định đây là mốc thời gian cấp thẻ cho ông Th. Theo đại diện của Ngân hàng trình bày thì lúc cho vay có giải thích các khoản phí cho ông Th nhưng ông Th không thừa nhận mà chỉ thừa nhận Ngân hàng giải thích về mức lãi, ông chỉ đồng ý trả lãi nhưng xin giảm lãi và không đồng ý trả phí phạt. (BL 369). Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/11/2022 anh Ngô Quang C người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Thẻ cấp cho ông The có thời hạn sử dụng là 03 năm, lãi trong hạn 2%, lãi quá hạn là 150% lãi suất ghi trên hợp đồng, nên xác định lãi suất của thẻ là 2%/ tháng, lãi quá hạn = 150% lãi trong hạn (BL:122). Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai này và *Phiếu chiết tính lãi thẻ tín dụng* ngày 18/02/2021 nguyên đơn đều trình bày là tiền nợ gốc thẻ tín dụng là 19.908.160 đồng (BL: 01, 86, 122) nhưng tại phiên tòa Ngân hàng lại yêu cầu ông Th phải trả nợ gốc thẻ tín dụng 21.934.769 đồng và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận nợ gốc 21.934.769 đồng, đồng thời tiếp tục tính lãi trên số tiền này đến khi thu hồi xong nợ là chưa đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại quyền lợi cho ông The. Do ông Th không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét lại. Tại phiên tòa sơ thẩm Ngân hàng khẳng định không yêu cầu tính lãi quá hạn nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết lãi quá hạn là đúng, do đó cấp phúc thẩm không có căn cứ để giải quyết lãi quá hạn.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Bởi những lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 31.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố A.

+ Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2022/DS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

+ Về án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố A phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Ngân hàng đã nộp ngày 19/9/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 05/9/2022 Tòa án nhân dân huyện Long Hồ tuyên án sơ thẩm. Ngày 19/9/2022 nguyên đơn nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ngân hàng TMCP phát triển thành phố A và ông Võ Văn Th, bà Nguyễn Thị Mỹ L có ký kết Hợp đồng tín dụng số 0187/17/HĐTDTDH – CN/213 ngày 20/12/2017 theo đó Ngân hàng cho ông Th và bà L vay số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 12,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm. Ngoài ra Ngân hàng còn cấp cho ông Võ Văn Th 01 thẻ tín dụng theo đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 31/5/2018 hạn mức 20.000.000đ, thời hạn sử dụng là 3 năm, lãi suất trong hạn là 2%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất số tiền quá hạn, phí chậm thanh toán 4% số tiền chậm thanh toán. Do ông Th và bà Liên đã vi phạm hợp đồng tín dụng số 0187/17/HĐTDTDH – CN/213 ngày

20/12/2017 và không thanh toán thẻ tín dụng nên Ngân hàng khởi kiện buộc ông Th và bà L thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết.

Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với Bản án sơ thẩm tuyên về khoản vay thẻ tín dụng: cấp sơ thẩm không chấp nhận một phần tiền lãi phí phạt đối với khoản vay theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 31/5/2018. Nguyên đơn cho rằng án sơ thẩm không chấp nhận phần tiền phí phạt theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 31/5/2018 là không phù hợp với các tình tiết khách quan trong vụ án, không xem xét kỹ các văn bản pháp luật quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước. Đề nghị cấp phúc thẩm buộc ông Võ Văn Th phải thanh toán phần phí và lãi phát sinh đối với số nợ theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Xét kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 31/5/20218 thể hiện việc Ngân hàng A cấp thẻ tín dụng hạn mức 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho ông Võ Văn Th. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2021 thì ông Th thừa nhận có sử dụng thẻ tín dụng và còn nợ Ngân hàng số tiền thẻ tín dụng và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng. Quá trình sử dụng thẻ ông Th đã trả được cho ngân hàng số tiền lãi 4.268.770đ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2022 anh Ngô Quang C là người đại diện theo ủy quyền của Ngân Hàng A thừa nhận do ông Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 15/5/2019 Ngân hàng đã khóa thẻ tín dụng cấp cho ông Th. Chuyển toàn bộ dư nợ thẻ tổng cộng 21.934.769đ sang nợ quá hạn. Tuy nhiên Ngân hàng không cung cấp bất cứ dịch vụ nào liên quan đến thẻ tín dụng cho ông Th. Ngoài các tài liệu như bảng điều khoản, điều kiện phát hành thẻ, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế HD Bank đều không thể hiện rõ việc sau khi chuyển toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng sang dư nợ quá hạn và khóa thẻ tín dụng thì Ngân hàng có được quyền tiếp tục tính phí và ngừng cung cấp dịch vụ cho ông Th hay không và cách thức tính phí ra sao, do đó việc Ngân hàng không tính lãi quá hạn trên dư nợ thẻ đã chuyển sang dư nợ quá hạn là 21.934.769đ mà tiếp tục tính các loại phí là không phù hợp. Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai này và phiếu chiết tính lãi thẻ tín dụng ngày 18/02/2021 nguyên đơn trình bày là tiền nợ gốc thẻ tín dụng là 19.908.160 đồng. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm Ngân hàng lại yêu cầu ông Th phải trả nợ gốc thẻ tín dụng

21.934.769 đồng và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận nợ gốc 21.934.769 đồng, đồng thời tiếp tục tính lãi trên số tiền này đến khi thu hồi xong nợ là chưa đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại quyền lợi cho ông Th. Do ông Th không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Việc Ngân hàng căn cứ vào các Quyết định 2132/2018/QĐ – TGD ngày 16/7/2018 về việc ban hành biểu phí dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân, Quyết định 1631/2020/QĐ – TGD ngày 27/7/2020, Quy định số 1041/2013/QĐ – TGD ngày 09/8/2013 quy định thẻ tín dụng quốc tế để yêu cầu tính phí trễ hạn là 326.786.952đ, phí vượt hạn mức là 752.787.265đ, các khoản phí khác là 858.000đ là không có căn cứ vì đây là văn bản lưu hành nội bộ.

Ngân hàng dùng phương thức tính dư nợ cuối kỳ thành dư nợ đầu kỳ, số dư đầu kỳ cộng với tiền lãi, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức và các khoản phí khác của mỗi kỳ để tính lãi phát sinh là chưa phù hợp. Việc các bên thỏa thuận tính lãi và phí phát sinh trên tiền lãi chưa trả là không phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó khi Ngân hàng đã chấm dứt hiệu lực sử dụng thẻ của bị đơn và chuyển sang nợ quá hạn thì Ngân hàng có quyền tính lãi quá hạn trên dư nợ. Các khoản phí khác không còn phát sinh kể từ khi Ngân hàng khóa thẻ tín dụng của bị đơn.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm có thông báo yêu cầu Ngân hàng cung cấp chứng cứ: khi phát hành thẻ tín dụng mới Ngân hàng (tổ chức phát hành thẻ) phải đăng ký mẫu thẻ với Ngân hàng nhà nước, hồ sơ và thủ tục đăng ký phải gửi đến Ngân hàng nhà nước. Cũng như bao gồm các khoản phí, biểu phí dịch vụ phải được cung cấp cho chủ thẻ trước khi sử dụng thẻ và khi có sự thay đổi. Tại Điều 9 Thông tư 39/VBHN – NHNN ngày 29/11/2019 khi ban hành khung lãi suất cho vay tiêu dùng áp dụng mức lãi suất cho vay cao nhất, mức lãi suất cho vay thấp nhất đối với từng sản phẩm cho vay tiêu dùng thì phải gửi đến Ngân hàng nhà nước về khung lãi suất cho vay tiêu dùng và đây là nghĩa vụ bắt buộc. Nhưng Ngân hàng không cung cấp được cho Tòa và theo đại diện Ngân hàng trình bày khi cho vay thẻ đã có giải thích các khoản phí cho ông Th nhưng ông Th không thừa nhận mà chỉ thừa nhận Ngân hàng giải thích về phần lãi suất và ông chỉ đồng ý trả lãi, không đồng ý trả phí phạt. Do đó kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Về phần lãi suất quá hạn theo thỏa thuận mà phía Ngân hàng đưa ra là không có cơ sở. Bởi lẽ, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải

phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết 01/2019/QĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết trên cũng quy định về lãi và lãi suất. Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Do đó cấp sơ thẩm xét xử buộc ông Th phải tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ ngày 06/9/2022 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị vay vốn giấy nhận nợ ngày 31/5/20218 là có cơ sở.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tại phiên tòa là có căn cứ

[4] Từ nhận định trên, xét kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố A.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 318, 319, 320, 500, 502 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 12, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 4 Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố A.

1. Buộc ông Võ Văn Th và bà Lê Thị Mỹ L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố A tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 05/9/2022 là 143.391.080 (Một trăm bốn mươi ba triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, không trăm tám mươi đồng), trong đó tiền nợ gốc là 94.300.000 đồng (Chín mươi bốn triệu, ba trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 22.941.194 đồng (Hai mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi một nghìn, một trăm chín mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi là 26.149.886 đồng (Hai mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 0187/17/HĐTDTDH-CN/213 ngày 20/12/2017 và Khế ước nhận nợ số 0187/2017/HĐTDTDH-CN/213 ngày 20/12/2017.

Ngoài ra ông Th và bà L phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh tính từ ngày 06/9/2022 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0187/2017/HĐTDTDH-CN/213 ngày 20/12/2017 đã ký kết với Ngân hàng.

Trường hợp ông Th và bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0119/2017/HĐBĐ-213 ngày 20/12/2017.

2. Buộc ông Võ Văn Th có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố A tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi trong hạn tính đến ngày 05/9/2022 là 40.959.663 đồng (Bốn mươi triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng), trong đó tiền nợ gốc là 21.934.769 đồng (Hai mươi một triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi chín đồng), nợ lãi

trong hạn là 19.024.894 đồng (mười chín triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn, tám trăm chín mươi bốn đồng).

Ngoài ra ông Võ Văn Th phải tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ ngày 06/9/2022 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ ngày 31/5/2018 của Ngân hàng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố A đối với yêu cầu buộc bà Lê Thị Mỹ L và ông Võ Văn Th phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, lãi, phí phạt là 1.121.391.880 đồng (Một tỷ, một trăm hai mươi một triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, tám trăm tám mươi đồng) và chịu lãi, phí phát sinh đối với số nợ còn lại cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố A đối với yêu cầu trường hợp ông Võ Văn Th và bà Lê Thị Mỹ L vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ thẻ tín dụng là 1.121.391.880 đồng (Một tỷ, một trăm hai mươi một triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, tám trăm tám mươi đồng), đề nghị phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 334, tờ bản đồ số 18, diện tích 955,7m² (trong đó có 300m² là đất ở; 655,7m² là đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Ấp Long Tân, xã E, huyện F, tỉnh L theo giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 336046, sổ vào sổ cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05842 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho hộ ông Võ Văn Th ngày 26/4/2017.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: buộc nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0004238 ngày 19/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND Long Hồ: 01b;
- Chi cục THADS Long Hồ : 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Lạc